



kàn yàng zi
看样子

verb · it seems

Example Sentences

kàn yàng zi yào xià yǔ le
看样子要下雨了。

It seems it's going to rain.

tā liǎn sè bù hǎo kàn yàng zi hěn lèi
他脸色不好，看样子很累。

His face looks bad; it seems he is very tired.

tā yī zhí bù shuō huà kàn yàng zi zài shēng qì
她一直不说话，看样子在生气。

She hasn't spoken at all; it seems she is angry.

Trace each character, then write the word on your own.

看	看	看	看	看	看	看	看	看	看	看
看										
样	样	样	样	样	样	样	样	样	样	样
样	样									
子	子	子	子	子	子					